

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày: 29/01/2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Đoàn Kim Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Chiền.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:** Ông Lương Quốc Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2017/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST-QĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với:

**- Bị cáo Nguyễn Văn P, sinh năm 1951** tại Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; Cư trú: Xã A, huyện T, thành phố C; Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Thanh, (chết) và bà Dương Thị Năm, (chết); Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1955, có 07 người con, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1994.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:**

**Anh Trần Minh H (Bé 9), sinh năm 1960. (Vắng mặt)**

Cư trú: Ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1959. (Có mặt)**

Cư trú: Số 182/1, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố L, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bị cáo Nguyễn Văn P và bà Đoàn Thị Đ chung sống như vợ chồng tại tổ 128, khóm Đông Thịnh 8, phường Mỹ Phước, thành phố L. Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 09/6/2017, Phát thấy Hùng đến nhà trọ nơi bà Đáo và bị cáo Phát chung sống như vợ chồng, cho rằng bà Đáo và anh Hùng có quan hệ tình cảm nên Phát ghen tuông vào nhà lấy con dao Thái Lan cán nhựa, dài 22cm mũi nhọn, lưỡi bằng kim loại màu trắng, đến gây sự với anh Hùng. Thấy vậy, anh Hùng bỏ đi thì Phát cầm dao đi theo tiếp tục cự cãi, thách thức đánh nhau. Phát cầm dao bằng tay trái đâm thủng ngực phải, đâm xây xát ngực và bụng trái. Sau khi gây thương tích Phát bỏ trốn, Hùng được đưa đến bệnh viện cấp cứu điều trị đến ngày 19/6/2017 ra viện.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 175/17/TgT ngày 23/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang đối với Trần Minh H xác định như sau: Sẹo ngực phải 06 x 0.1cm, thấu ngực, tràn máu, tràn khí màng phổi phải – đã phẫu thuật dẫn lưu màng phổi; Sẹo ngực trái, mờ, phẳng 10.5 x 0.5cm; Sẹo bụng trái mờ 14 x 0.2cm. *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại 17%.* (Bút lục số: 55, 56).

Tại cáo trạng số 110/VKS-HS ngày 21/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo **Nguyễn Văn P** về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

### ***Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị áp dụng:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14

ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Quốc hội. Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo bồi thường số tiền 46.298.700 đồng (BL 117) theo đơn yêu cầu của người bị hại được bị cáo chấp nhận tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS 2015; Điều 106 BLTTHS 2015.

1/ Tịch thu tiêu hủy: 01(một) cây dao cán vàng dài 22 cm, cán dao bằng gỗ màu vàng dài 10,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5 cm, mũi nhọn, rộng nhất 02 cm;

2/ Trả lại cho bà Đoàn Thị Đ: 01 (một) cây dao dài 18,5 cm, cán dao bằng gỗ màu đen dài 08 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 10,5 cm, mũi nhọn, rộng nhất 1,5 cm;

Bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại theo đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 46.298.700 đồng (BL 117) Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời nói sau cùng đã ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào trình bày: Bà yêu cầu được nhận lại 01 (một) cây dao dài 18,5 cm, cán dao bằng gỗ màu đen dài 08 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 10,5 cm, mũi nhọn, rộng nhất 1,5 cm, đây là con dao của bà không liên quan đến hành vi phạm tội của ông Phát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, biên bản xem dấu vết trên thân thể ngay sau khi xảy ra sự việc, bệnh án khi bị hại Hùng nhập viện cấp cứu và giấy chứng nhận thương tích, kết luận giám định đã đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn P sử dụng dao Thái Lan đâm thủng ngực phải; xây sát ngực và bụng trái của người bị hại Trần Minh H gây thương tích sẹo ngực phải 06 x 0.1cm, thủng ngực, tràn máu, tràn khí màng phổi phải – đã phẫu thuật dẫn lưu

màng phổi; Sẹo ngực trái, mờ, phẳng 10.5 x 0.5cm; Sẹo bụng trái mờ 14 x 0.2cm với tỷ lệ thương tật 17%.

Chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhất là ghen tuông giữa bà Đoàn Thị Đ người chung sống như vợ chồng với bị cáo và người bị hại Trần Minh H, trong khi giữa bị cáo và bị hại Hùng không có mâu thuẫn, người bị hại Hùng cũng không có hành vi xâm phạm đến bị cáo nhưng bị cáo sử dụng dao Thái Lan được xác định là hung khí nguy hiểm theo quy định tại điểm 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng định khung là “Phạm tội có tính chất côn đồ” và “Sử dụng hung khí nguy hiểm”. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo theo khoản 2 Điều 104 BLHS 1999 đã được sửa đổi, bổ sung 2009 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi, bổ sung 2009 có mức phạt tù từ 02 năm đến 07 năm tù. Căn cứ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự 2015 để xét xử có lợi đối với bị cáo. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2] Về năng lực chịu trách nhiệm hình sự và tính chất mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của anh Hùng được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Gây tâm lý hoang man, lo sợ trong nhân dân khi không có mâu thuẫn với nhau nhưng chỉ vì những duyên cớ nhỏ nhất vẫn sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người khác nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi do mình gây ra.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động bồi thường một phần thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, cần áp dụng mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** bị cáo **Nguyễn Văn P** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106; Điều 136 BLTTHS 2015.

- Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Quốc hội;

### **Tuyên xử:**

[1] Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Văn P** **02 (hai) năm tù**

Thời hạn tù tính từ ngày: Bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Minh H số tiền 46.298.700 đ (Bốn mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, bảy trăm đồng).

[3] Về xử lý vật chứng:

3.1 Tịch thu tiêu hủy: 01(một) cây dao cán vàng dài 22 cm, cán dao bằng gỗ màu vàng dài 10,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5 cm, mũi nhọn, rộng nhất 02 cm;

3.2 Trả lại cho bà Đoàn Thị Đ: 01 (một) cây dao dài 18,5 cm, cán dao bằng gỗ màu đen dài 08 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 10,5 cm, mũi nhọn, rộng nhất 1,5 cm;

*(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L ngày 27/11/2017)*

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.315.000 đồng (hai triệu, ba trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

*Nơi nhận:*

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Công an TPLX;
- THA DS TPLX;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ/

**Nguyễn Minh Quốc Việt**